TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2018.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Mai.
Bà Phạm Thị Kim Thành.
- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Khanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Hương M; có mặt.
Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện H, tỉnh Ninh Bình.
- *Bị đơn*: Anh Phạm Thường T; vắng mặt.
Địa chỉ: Xóm 2A, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị Hương M trình bày: Chị và anh Phạm Thường T sau gần 1 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau ngày 16 tháng 8 năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Thực tế vợ chồng chị không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống nên sống không hòa thuận. Chị và anh T luôn bất đồng quan điểm về công việc của hai người và không có sự chia sẻ, quan tâm đến cuộc sống của

nhau. Do cuộc sống chung của vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 2/2018 cho đến nay. Trong thời gian này gia đình chị đã nói chuyện với cả hai vợ chồng mong anh chị hòa giải cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và bản thân chị cũng đã cố gắng thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn, không ai quan tâm đến ai và tự mỗi người sống cuộc sống riêng của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị ly xin ly hôn với anh Phạm Thường T.

Về con chung (riêng): Chị và anh Phạm Thường T không có con chung (riêng) nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh Phạm Thường T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 8 tháng 8 năm 2018 bị đơn là anh Phạm Thường T trình bày: Sau 1 tháng tự do tìm hiểu anh chị đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại Uỷ ban nhân dân xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và điều kiện công việc của mỗi người không thống nhất. Bản thân anh nhiều lần nói chuyện và ngăn cản việc chị M xin ly hôn, vợ chồng tìm các biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Bản thân anh cũng mệt mỏi, nay chị M cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Về con chung (riêng): Anh và chị Phạm Thị Hương M chưa có con chung, con riêng không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh và chị Phạm Thị Hương M không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp. Do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Thường T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hương M và anh Phạm Thường T là hợp pháp. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc

thì chị M và anh T phát sinh mâu thuẫn do tính tính không hợp và anh chị không thống nhất được về công việc của vợ chồng. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2018 cho đến nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị M xin ly hôn anh T và anh T nhất trí ly hôn với chị M. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn .

3/ Về con chung (riêng): Chị Phạm Thị Hương M và anh Phạm Thường T không có con chung (riêng) nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Phạm Thị Hương M và anh Phạm Thường T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Phạm Thị Hương M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hương M và anh Phạm Thường T được ly hôn.

2/ Về án phí: Chị Phạm Thị Hương M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0001886 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Phương